TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 290/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Trần Quang T**; sinh năm: 1993. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ F, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chổ ở trước đây: số nhà B N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chổ ở hiện nay: số nhà K T, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị N**; sinh năm: 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: L, P, Thừa Thiên H. Chổ ở: số nhà A P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2024, người yêu cầu là ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 272, ngày 22/11/2018).

Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, một phần cũng do vợ chồng không có con chung nên tình cảm ngày càng phai nhạt, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N đều xác định vợ chồng chưa có con chung.

[3] Về tài sản chung: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N mỗi người chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003013 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị Ngọc thuận T1 ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 272 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2018).

* Về con chung: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng chưa có con chung.

* Về tài sản chung: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N đều xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: ông Trần Quang T và bà Nguyễn Thị N mỗi người chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003013 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa